

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07- 4 - 2026
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tống Đăng Mạnh;

2. Nguyễn Thị Công Mừng;

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 340/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2026/QĐST-HPT ngày 04 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1995; CCCD số 027095004779; Địa chỉ: Thôn C, phường V, tỉnh Bắc Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu cho nguyên đơn: Chị Lê Thị M; địa chỉ: số B đường N, phường K, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Khánh L, sinh năm 1996 CCCD số 024196008627; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Nguyễn Công Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Khánh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và có đăng ký

kết hôn tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh) ngày 15/3/2016.

Sau khi kết hôn, anh và chị L sống chung tại khu C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là khu C, phường V, tỉnh Bắc Ninh). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên trái ngược nhau về tính cách, quan điểm sống, không bảo ban nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến tình cảm không còn, không muốn tiếp tục gắn bó lâu dài với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, chị L bỏ về nhà ngoại ở tại thôn K, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Khánh L.

Về con chung: Anh và chị L chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Khánh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn đúng như anh Đ trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra từ năm 2019 là do hai bên không có tiếng nói chung, anh Đ hay rượu chè, không quan tâm vợ, thường xuyên vắng nhà, nhiều khi đi chơi quan đêm mới về. Sau đó, tôi chuyển về nhà mẹ đẻ tại thôn K, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng anh Nguyễn Công Đ xin ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh Đ chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tháng 5/2021 vì kinh tế gia đình khó khăn nên chị đã xuất cảnh sang Đài Loan để lao động, từ đó đến nay chị không về nhà, Do hiện nay khoảng cách địa lý ở xa và lý do công việc nên chị không thể đến Tòa án làm việc được. Chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các phiên hòa giải và các phiên Tòa do Tòa án các cấp tiến hành. Mọi giấy tờ, văn bản tố tụng Tòa án gửi cho chị, chị đề nghị Tòa án giao cho bố chị là ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn K, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh, bố chị sẽ nhận thay và thông báo lại cho chị trên ứng dụng mạng xã hội.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. HĐXX công bố lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của

mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công Đ, cho anh Nguyễn Công Đ được ly hôn với chị Nguyễn Khánh L.

Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận chưa có nên không đề nghị giải quyết nên không xem xét nội dung này.

Về tài sản, công nợ chung: Hai bên đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét nội dung này.

Về án phí: Anh Nguyễn Công Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Khánh L có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Khánh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Bắc Ninh). Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Tranh chấp giữa anh Đ, chị L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Anh Đ có đơn xin ly hôn chị L; cả hai anh chị đều có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện tại chị L đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Chị L hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng chị L đã có bản tự khai. Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị L thông qua bố đẻ của chị là ông Nguyễn Văn U. Anh Nguyễn Công Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh Đ, chị L đều thống nhất và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh Đ và chị L có mâu thuẫn, không quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Công Đ, xử cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Khánh L.

[3.2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[3.3] Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Công Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0002792 ngày 31/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Bắc Ninh.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Công Đ được ly hôn chị Nguyễn Khánh L.

Về con chung: Không có và không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có và không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Công Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo Biên lai số 0002792 ngày 31/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh (xác nhận anh Đ đã nộp đủ).

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Khánh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai và anh Nguyễn Công Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự;
- UBND phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Công Định